

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2025.

“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Phú Hữu.
- Bà Bùi Thị Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Thanh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Ngày 23/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10/10/2025 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/11/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Dương Trọng L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà A, đường V, Tổ C, khóm P, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh L có mặt tại phiên tòa, chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, chị Ngô Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T và anh Dương Trọng L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C C, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 08/7/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Sau đó, vợ chồng phát sinh phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng gay gắt, vợ chồng không sống

chung từ tháng 7/2023 đến nay. Thời gian xa nhau, vợ chồng không có hàn gắn tình cảm. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Trọng L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 06/3/2011; Dương Thị Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2012; Dương Quốc N, sinh ngày 19/6/2014, hiện 03 con chung đang sống với cha. Khi ly hôn, chị T đồng ý giao 03 con chung cho anh L nuôi, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Dương Trọng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh Dương Trọng L đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 06/3/2011; Dương Thị Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2012; Dương Quốc N, sinh ngày 19/6/2014, hiện 03 con chung đang sống với cha. Khi ly hôn, anh L đồng ý nuôi 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Ngô Thị Thanh T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Dương Trọng L có địa chỉ tại phường C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân của chị T và anh L được xác lập vào năm 2011, do hai anh chị tự nguyện và thừa nhận, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 08/7/2011 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Theo đơn khởi kiện, chị T yêu cầu được ly hôn với L nhưng tại phiên tòa chị T vắng mặt nên không có ý

kiến về quan hệ hôn nhân; tại phiên tòa anh L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chị T được ly hôn với anh L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 06/3/2011; Dương Thị Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2012; Dương Quốc N, sinh ngày 19/6/2014, hiện 03 con chung đang sống với cha. Theo đơn khởi kiện, chị T đồng ý giao 03 con chung cho anh L nuôi nhưng tại phiên tòa, chị T vắng mặt nên không có ý kiến về nuôi con chung; tại phiên tòa anh L đồng ý tiếp tục nuôi 03 con chung theo yêu cầu chị T. Hội đồng xét xử xét thấy 03 con chung đã sống với anh L ổn định thời gian dài và các con chung cũng phát triển tốt về mọi mặt nên tiếp tục giao 03 con chung cho anh L trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao 03 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 06/3/2011; Dương Thị Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2012; Dương Quốc N, sinh ngày 19/6/2014 cho anh L trực tiếp nuôi là có căn cứ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa, chị T vắng mặt nên không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con; tại phiên tòa, anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện, chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tại phiên tòa, chị T vắng mặt nên không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung; tại phiên tòa anh L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí: Chị Ngô Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Thanh T. Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn với anh Dương Trọng L.

[2] *Về con chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Thanh T. Giao 03 con chung tên Dương Quốc T1, sinh ngày 06/3/2011; Dương Thị Ngọc T2, sinh ngày 18/12/2012; Dương Quốc N, sinh ngày 19/6/2014 cho anh L trực tiếp nuôi, hiện 03 con chung đang sống với anh L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị Ngô Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0003893 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV6, ĐT;
- Phòng THADS KV6, ĐT;
- UBND Phường 3, TPCL (nay là phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (số 09/2011, ngày 08/7/2011);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Trinh